

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G

Bản án số:45/2017/HS-ST

Ngày: 22/11/2017

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ TỈNH G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân H**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lưu T** - Nguyên hiệu trưởng trường tiểu học số 3 thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G.

2. Ông **Lương Nam Xuất T** - Trưởng phòng Dân tộc huyện Đ, tỉnh G.

Thư ký phiên tòa: Ông **Vũ Đức Q**, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Thế Q** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2017 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2017/HSST ngày 08 tháng 6 năm 2017 đối với các bị cáo:

Bị cáo thứ nhất: **Nguyễn Văn A** - Tên khác: Không; Sinh năm 1993 tại: Tiên Phước, Quảng Nam;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh G; Nghề nghiệp: Làm nông. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 10/12; Con ông Nguyễn Đức N, Sinh năm: 1965; Con bà: Nguyễn Thị P, Sinh năm: 1968; Hiện cha, mẹ đang sinh sống tại Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh G; Gia đình bị cáo có 06 anh, chị em, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2000; bị can là con thứ hai trong gia đình; Có vợ: Trần Thị Thu T, sinh năm 1994. Hiện sinh sống tại Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh G; bị cáo có 01 con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/11/2016 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh G; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo thứ hai: **Nguyễn Văn Đ**; Tên gọi khác: Không; sinh năm 1992 tại: Tiên Phước, Quảng Nam;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh G; Nghề nghiệp: Làm nông; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 10/12; Con ông Nguyễn Đức N, sinh năm: 1965; con bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1968; Hiện cha, mẹ đang sinh sống tại Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh G; Gia đình bị cáo

có 05 anh, chị em, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2000; bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/11/2016 cho đến nay; Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh G.

* Người bị hại: Anh **Trương Sỹ B** – sinh năm: 2000

Trú tại: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh G.

Có mặt tại phiên tòa.

* Đại diện hợp pháp cho người bị hại: Bà **Ngô Thị H**

Trú tại: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh G.

Có mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông **Nguyễn Đức N** – sinh năm: 1965

Trú tại: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh G

Có mặt tại phiên tòa.

Nguyễn Văn M – sinh năm: 2000

Trú tại: Làng T, xã G, huyện Đ, tỉnh G

Vắng có lý do

* Đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà **Nguyễn Thị M**

Trú tại: Làng T, xã G, huyện Đ, tỉnh G

Vắng có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Vào khoảng 19h30' ngày 04/9/2016, Nguyễn Văn A, trú tại Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh G đi xem văn nghệ tại trường Trung học cơ sở L Q Đ, xã T thì gặp Nguyễn Văn H, trú cùng thôn, thì H nói “Anh làm gì mà anh em nhà thằng B tìm anh đánh”, A không trả lời mà đi bộ về nhà của mình tại thôn T, xã T lấy 01(một) cái rửa rồi đi bộ ra ngoài đường, gọi điện cho anh trai mình tên Nguyễn Văn Đ nói “về nhà chờ ra T giúp tý” thì Đ đồng ý. Sau khi nhận được điện thoại, Nguyễn Văn Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 81B1- 565.78 từ Trường trung học cơ sở L Q Đ về gặp Nguyễn Văn A thì thấy A đang cầm rửa đứng ở phía trước nhà (thì Đ hiểu là A rủ đi đánh nhau). Sau đó Đ điều khiển xe mô tô 81B1-

565.78 chở Nguyễn Văn A ngồi sau cầm một cái rựa đi hướng thôn T, khi đến đoạn đường phía trước nhà giữ trẻ của thôn T, xã T; Nguyễn Văn A điện thoại rủ Nguyễn Văn H đi đánh nhau với nhóm của G với B nhưng H nói “Mấy đứa đó là em của thằng bạn, để em ra nói chuyện với nó”. Đ tiếp tục điều khiển xe mô tô chở A đi tìm nhóm của B để đánh, trên đường đi gặp Trần Thành T điều khiển xe mô tô biển số 81B1-843.13 chở Hoàng Ngọc H đều trú tại thôn T, xã T, Đ, G đi ngược chiều, khi đó Đ với A không dừng xe lại mà vẫn tiếp tục đi, nhưng T và H nhìn thấy A cầm rựa nên điều khiển xe quay lại đi theo Đ với A, sau khi nghe điện thoại Nguyễn Văn H, kể lại cho Hồ Quang T, trú tại thôn T, xã T, Đ đang xem văn nghệ cùng biết, nghe xong T rủ H chạy ra xem thử, H đồng ý rồi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 81B1- 911.15 chở T đi hướng thôn T tìm A; Còn Nguyễn Văn Đ điều khiển xe chở Nguyễn Văn A đi đến khu vực cổng chào thôn T, xã T, huyện Đ thì thấy Trương Sỹ B, Nguyễn Quốc T cùng trú tại thôn T, xã T, Đ, G, Nguyễn Văn M, trú tại xã G, Đ, G và H, trú tại làng K, xã T, Đ, G đang ngồi chơi thì Nguyễn Văn Đ dừng xe, Nguyễn Văn A cầm rựa xuống xe đi lại đứng đối diện với Trương Sỹ B hỏi “Mày kêu người đánh tao”, B không trả lời, Nguyễn Văn A cầm rựa chém một nhát vào khuỷu tay phải và hai nhát vào vai phải của Trương Sỹ B, sau khi bị chém B chạy bộ về nhà của mình. Khi thấy Nguyễn Văn A chém Trương Sỹ B xong thì Nguyễn Văn Đ đi đến chỗ Nguyễn Văn A lấy rựa từ tay của A rồi đi đến chỗ Nguyễn Văn M hỏi “Tụi mày là ai”, M không trả lời. Lúc này, Trần Thành T điều khiển xe mô tô chở Hoàng Ngọc H và Nguyễn Văn H điều khiển xe mô tô chở Hồ Quang T đến nơi và dừng lại thì Nguyễn Văn Đ cầm rựa chém vào đùi phải của M làm M bị thương. Thấy M bị thương, A bảo T chở M cấp cứu, sau đó Đ chở A, H chở T tất cả cùng đi đến trạm xá xã T sơ cứu cho Nguyễn Văn M, rồi đưa Mạnh đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh G đến ngày 09/9/2016 thì xuất viện.

Trương Sỹ B được gia đình đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện Quân Y 211 đến ngày 09/9/2016 thì xuất viện.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 233/TTPY ngày 17/10/2016, của Trung tâm pháp y tỉnh G xác định tổn thương cơ thể Trương Sỹ B do thương tích gây nên là 27% (hai mươi bảy phần trăm).

Riêng Nguyễn Văn M có đơn xin rút đơn yêu cầu khởi tố và đơn từ chối giám định thương tích.

2. Các vấn đề khác:

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 81B1- 565.78, Nguyễn Văn Đ dùng làm phương tiện chở Nguyễn Văn A đi phạm tội, chiếc xe này là của ông Nguyễn Đức N (Bố của A và Đ), khi Đ lấy xe chở A đi phạm tội, ông N không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra Quyết định trả lại xe mô tô trên cho ông N là đúng quy định của pháp luật.

Chiếc điện thoại di động Nguyễn Văn A dùng gọi điện rủ Nguyễn Văn Đ và gọi điện rủ Nguyễn Văn H đi đánh nhau, sau khi gây án, Nguyễn Văn A đã làm mất ở đâu không xác định được, nên không có cơ sở truy tìm.

Đối với chiếc điện thoại di động Nguyễn Văn Đ dùng để nghe Nguyễn Văn A gọi điện nói về chở đi đánh nhau, Nguyễn Văn Đ khai làm mất ở đâu không xác định được, nên không có cơ sở truy tìm.

Đối với Nguyễn Văn H, khi được Nguyễn Văn A gọi điện rủ đi đánh nhau, H chỉ nói ra nói chuyện chứ không phải ra để đánh nhau, bản thân H cũng không đánh gây thương tích cho ai nên không có đủ cơ sở để xử lý đối với H.

Đối với Trần Thành T, Hoàng Ngọc H, Hồ Quang T chỉ thấy A và Đ cầm rựa đi nên đi theo chứ không có bàn bạc và tham gia đánh nhau nên cũng không có cơ sở để xử lý đối với Trung, Hiền, Tâm.

3. Cáo trạng của Viện kiểm sát: Tại bản cáo trạng số: 17/Ctr-VKS ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tỉnh G đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn A và Nguyễn Văn Đ về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 điều 104 BLHS.

Tại phiên tòa hôm nay kiểm sát viên thực hiện quyền công tố đề nghị:

Về áp dụng pháp luật: Theo quy định tại khoản 2 điều 134 bộ luật hình sự năm 2015 thì khung hình phạt là từ 02 năm đến 05 năm. Căn cứ khoản 3 điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội thì hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp có lợi cho người phạm tội theo quy định tại điều 134 Bộ luật Hình sự

Áp dụng: khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điều 53 Bộ luật hình sự: Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn A từ 36 tháng đến 42 tháng tù; bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 30 tháng đến 36 tháng tù.

Về dân sự: Căn cứ điều 42 BLHS; các điều 584, 585, 586, 587, 590 BLDS năm 2015 buộc các bị cáo phải bồi thường cho người bị hại số tiền 115.000.000 đồng, các bị cáo đã bồi thường 35.000.000 đồng, do đó các bị cáo phải bồi thường thêm số tiền 80.000.000 đồng, trong đó bị cáo Nguyễn Văn Á bồi thường 40.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Văn Đ bồi thường 40.000.000 Đ.

Về vật chứng: Căn cứ điều 76 BLTTHS đề nghị tịch thu tiêu hủy 1 chiếc rựa

Về án phí các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thừa hành vi phạm tội của mình như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố và mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Về hành vi bị truy tố của các bị cáo: Dù không có mâu thuẫn với nhau từ trước nhưng khoảng 19h30' ngày 04/9/2016, sau khi nghe nói B có mâu thuẫn với bạn bè cùng xóm, Nguyễn Văn A đã về nhà mình tại lầy 01 con dao rựa sau đó gọi điện thoại cho anh trai là Nguyễn Văn Đ về chở đi đánh nhau. Đ đồng ý, sau đó Nguyễn Văn Đ điều khiển xe mô tô biển số 81B1 - 565.78 từ nhà chở Nguyễn Văn A đi tìm Trương Sỹ B để đánh. Khi đến khu vực cổng chào thôn T thì Á và Đ gặp Trương Sỹ B, Nguyễn Văn M và một số người khác đang ngồi chơi. Nguyễn Văn A xuống xe và cầm rựa chém B chém một nhát vào khuỷu tay phải và hai nhát vào vai phải của B thì B bỏ chạy về nhà, sau đó Nguyễn Văn Đ ra lấy con dao rựa từ tay của A đến chém một phát vào đùi phải của Mạnh làm bị thương. Theo Kết luận giám định tỷ lệ thương tích thì Trương Sỹ B bị tổn hại 27% sức khỏe, riêng Nguyễn Văn M từ chối giám định thương tích.

Khi gây thương tích cho anh B, các bị cáo đã sử dụng con dao rựa là hung khí nguy hiểm (được quy định tại điểm a, tiểu mục 2.2 mục 2 phần I của Nghị quyết số 02/2003/NQ/HĐTP ngày 17.4.2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định về một số tình tiết là yếu tố định tội hoặc định khung hình phạt), ngoài ra các bị cáo còn phạm tội có tính chất côn đồ nên hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

Trong vụ án này có nhiều bị cáo nhưng giữa các bị cáo không có sự bàn bạc phân công cụ thể rõ ràng nên đây chỉ là đồng phạm giản đơn.

Xét về vai trò của từng bị cáo trong vụ án này thì thấy rằng: Bị cáo Nguyễn Văn A là người rủ rê, khởi xướng và là người cầm rựa chém B chém một nhát vào khuỷu tay phải và hai nhát vào vai phải của B gây tổn hại sức khỏe là 27%, do đó phải là người chịu trách nhiệm chính trong vụ án.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ mặc dù không phải là người trực tiếp gây ra thương tích cho B nhưng khi nghe thấy A cầm rựa biết là đi đánh nhau, bản thân là anh của bị cáo Á nhưng không khuyên em mình mà còn lập tức đồng ý, giúp sức cho bị cáo Á, do đó bị cáo cũng phải chịu trách nhiệm tương xứng với hành vi của mình gây ra.

Hội đồng xét xử nhận định: Tính mạng sức khỏe của con người là vốn quý, mọi hành vi xâm phạm đến tính mạng sức khỏe của người khác đều bị pháp luật nghiêm trị. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người bị hại một cách trái pháp luật, gây khó khăn trong cuộc sống sinh hoạt thường của người bị hại, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội, tạo tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, điều đó đã làm ảnh hưởng đến trật tự xã hội và thể hiện tính xem thường pháp luật của các bị cáo. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên phải gánh chịu trách nhiệm hình sự đối với hậu quả do hành vi của mình đã trực tiếp gây ra.

Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo: Các bị cáo có nhân thân tốt; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; Quá trình điều tra, truy tố bị cáo chưa thành khẩn khai báo nhưng tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo đã tác động gia đình khắc phục một phần hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra đồng thời tự nguyện tiếp tục bồi thường toàn bộ khoản tiền về bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của người bị hại và người đại diện hợp pháp cho người bị hại; người bị hại và người đại diện hợp pháp cho người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; sau khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đã đưa người bị hại đi cấp cứu và chăm sóc ban đầu tại Bệnh viện. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự sẽ được áp dụng khi quyết định mức hình phạt.

Về áp dụng pháp luật đối với bị cáo: Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự. So với tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 thì tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt từ 02 đến 05 năm. Do vậy, để có lợi cho các bị cáo nên cần được áp dụng khi quyết định mức hình phạt.

Trên cơ sở phân tích đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm về hành vi phạm tội của các bị cáo, cũng như xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy cần xử phạt các bị cáo một mức án thật nghiêm khắc, tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có khả năng cải tạo, giáo dục để các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời mới bảo đảm được tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

Vật chứng trong vụ án:

01 cây rựa mà bị cáo Nguyễn Văn A dùng để chém người bị hại. Xét vật không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Về Dân sự: Gia đình Nguyễn Văn A và Nguyễn Văn Đ đã bồi thường số tiền 35.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) cho gia đình bị hại Trương Sỹ B, gia đình bị hại yêu cầu gia đình các bị cáo tiếp tục bồi thường thêm số tiền 80.000.000đ (tám

mười đồng). Cụ thể bị cáo Nguyễn Văn A phải bồi thường 40.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Văn Đ phải bồi thường 40.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đồng ý liên đới bồi thường theo yêu cầu của người bị hại, xét đây là sự tự nguyện của các bị cáo nên cần chấp nhận.

Đối với số tiền 35.000.000 đồng mà gia đình các bị cáo đã bỏ ra để bồi thường cho người bị hại, tại phiên tòa hôm nay gia đình các bị cáo không yêu cầu bị cáo Á và bị cáo Đ trả lại số tiền trên nên HĐXX không xét.

Về án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn A và Nguyễn Văn Đ phạm tội: “Cố ý gây thương tích”

2. Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điều 53 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn A 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 21/11/2016

Xử phạt: Nguyễn Văn Đ 30 (Ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 21/11/2016

3. Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589 Bộ luật dân sự buộc các bị cáo phải bồi thường cho người bị hại số tiền 115.000.000đ, đã bồi thường 35.000.000đ nên các bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 80.000.000đ, theo phần bằng nhau, cụ thể:

Bị cáo Nguyễn Văn A phải bồi thường cho Trương Sỹ B số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải bồi thường cho Trương Sỹ B số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 76 bộ luật hình sự: Xử tịch thu tiêu hủy 01 chiếc rựa theo như mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/3/2017 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đ và chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

5. Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử buộc bị cáo Nguyễn Văn A và Nguyễn Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp cho người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/11/2017), để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- Sở tư pháp tỉnh G;
- Công an huyện Đ;
- VKSND huyện Đ;
- THADS;
- Bị cáo
- Người bị hại;
- Người có qnlvq;
- Lưu hồ sơ/VP

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân H

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK ĐOA
TỈNH G**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----★-----
Đắk Đoa, ngày 22 tháng 11 năm 2017

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK ĐOA

Vào hồi giờ phút ngày 22 tháng 11 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Đoa, tỉnh G

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân H**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lưu Thông** và bà **Lương Nam Xuất Thế**

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2017/HS-ST ngày 08 tháng 6 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn A**, sinh năm 1993 tại Tiên Phước - Quảng Nam
2. **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1992 tại Tiên Phước - Quảng Nam

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn Đ phạm tội:
“Cố ý gây thương tích”

Kết quả biểu quyết : 3/3 thành viên

2. Về điều luật áp dụng :

Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điều 53 Bộ luật hình sự.

Kết quả biểu quyết : 3/3 thành viên

3. Về mức hình phạt :

Xử phạt: Nguyễn Văn A 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 21/11/2016

Xử phạt: Nguyễn Văn Đ 30 (Ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 21/11/2016

Kết quả biểu quyết : 3/3 thành viên

4. Về các vấn đề khác:

- **Về dân sự:** Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589 Bộ luật dân sự buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho người bị hại số tiền 115.000.000đ, đã bồi thường 35.000.000đ nên các bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 80.000.000đ, tho phần bằng nhau, cụ thể:

Bị cáo Nguyễn Văn A phải bồi thường cho Trương Sỹ B số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*).

Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải bồi thường cho Trương Sỹ B số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- **Về vật chứng:** Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 76 bộ luật hình sự: Xử tịch thu tiêu hủy 01 chiếc rửa theo như mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/3/2017 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đ và chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

- **Về án phí:** Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử buộc bị cáo Nguyễn Văn A và Nguyễn Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Tuyên quyền kháng cáo, tuyên quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự cho các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....phút....., ngày 22 tháng 11 năm 2017

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Lưu Thông

Lương Nam Xuất Thế

Nguyễn Xuân H